

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3395 /STC-QLNS

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 12 năm 2017

V/v công khai dự toán NSNN
trình HĐND thành phố

Kính gửi: Công Thông tin điện tử thành phố

Căn cứ hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính; thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố tại Công văn số 5765/UBND-KT ngày 31 tháng 7 năm 2017 triển khai Công văn số 9505/BTC-NSNN ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN năm 2015;

Trên cơ sở Báo cáo số 302/BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố về tình hình thực hiện dự toán thu NSNN năm 2017; phương án xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách thành phố năm 2018, Sở Tài chính đề nghị Công Thông tin điện tử thành phố đăng tải công khai thuyết minh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách thành phố kèm theo các biểu số liệu trình HĐND thành phố theo quy định (đính kèm).

Sở Tài chính đề nghị Công Thông tin điện tử thành phố phối hợp thực hiện./ *ph*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thành phố (để b/cáo);
- Phòng THTK (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLNS.D. *Dr*



Nguyễn Văn Phụng

NỘI DUNG CÔNG KHAI THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

(Kèm theo Công văn số 3395 /STC-QLNS ngày 06 tháng 12 năm 2017
của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng)

Năm 2017 là năm đầu tiên triển khai thực hiện công khai dự toán NSNN UBND thành phố trình HĐND thành phố theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, cũng là năm đầu tiên xây dựng Kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm địa phương 2018-2020 trình HĐND thành phố để tham khảo khi xem xét, quyết định dự toán NSNN năm 2018. Trên cơ sở Báo cáo số 302/BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2017 của UBND thành phố về tình hình thực hiện dự toán thu NSNN năm 2017; phương án xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách thành phố năm 2018, thành phố thực hiện công khai thuyết minh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách địa phương như sau:

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2017

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

UBND thành phố đã chỉ đạo quyết liệt các cơ quan trong công tác triển khai thu ngân sách, tập trung bám sát chỉ tiêu dự toán, các cơ quan chủ động phối hợp với nhau để quản lý thu, khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu ngân sách nhà nước¹. Các cơ quan thu đã tập trung triển khai đầy đủ các biện pháp đôn đốc thu nợ theo quy trình quản lý nợ và triển khai quyết liệt các biện pháp thu nợ thuế. Phần đầu số nợ thuế đến ngày 31/12/2017 giảm xuống dưới 5% so với số thực thu NSNN năm 2017. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế nhằm góp phần giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư. Với các biện pháp đồng bộ nêu trên, kết quả thu NSNN năm 2017 cụ thể như sau:

1. Thu NSNN trên địa bàn: Ước đạt 23.379.350 triệu đồng, bằng 111,9% dự toán HĐND giao (bằng 112,1% dự toán Trung ương giao), gồm:

a) Thu nội địa ước đạt 20.384.350 triệu đồng (chiếm 87,2% tổng thu NSNN trên địa bàn)², bằng 112,7% dự toán giao; trong đó:

¹ Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 ban hành những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước thành phố Đà Nẵng năm 2017; Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 25/02/2017 về việc tăng cường công tác thu thuế năm 2017; Công văn số 6723/UBND-KT ngày 29/8/2017 về chống thất thu và chấn chỉnh công tác quản lý khoản thuế đối với cơ sở kinh doanh; Công văn số 7209/UBND-STC ngày 13/9/2017 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ các tháng cuối năm 2017, trong đó chỉ đạo cơ quan Thuế, Hải quan phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại và trốn thuế.

² Theo Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 15/02/2017 của Thành ủy Đà Nẵng và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị thì tỷ trọng thu nội địa chiếm 84-85% tổng thu NSNN.

- Thu nội địa không kể tiền sử dụng đất và xô số kiến thiết (chiếm 83,5% thu nội địa): 17.014.350 triệu đồng, đạt 107,3% dự toán giao³,

- Thu tiền sử dụng đất 3.200.000 triệu đồng và thu từ hoạt động xô số kiến thiết 170.000 triệu đồng (chiếm 16,5% thu nội địa).

b) Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 2.995.000 triệu đồng (chiếm 12,8% tổng thu NSNN trên địa bàn).

Mặc dù dự kiến thu nội địa vượt dự toán được giao, nguồn tăng thu nội địa không kể tiền sử dụng đất và xô số kiến thiết chủ yếu rơi vào khối quận, huyện do có phát sinh nguồn thu đột biến⁴, khả năng nguồn thu ngân sách thành phố từ thuế và phí, lệ phí không tăng thu, một số lĩnh vực không đạt dự toán giao như thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và thu thuế bảo vệ môi trường hàng hóa sản xuất trong nước.

2. Thu ngân sách địa phương: Ước đạt 24.065.212 triệu đồng, trong đó:

a) Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp là 14.836.491 triệu đồng, bằng 119% dự toán HĐND giao, trong đó: thu nội địa không kể tiền sử dụng đất và thu từ hoạt động xô số kiến thiết 11.466.491 triệu đồng, thu tiền sử dụng đất 3.200.000 triệu đồng và thu từ hoạt động xô số kiến thiết 170.000 triệu đồng.

b) Thu chuyển nguồn 7.049.024 triệu đồng.

c) Thu kết dư 1.272.173 triệu đồng.

d) Thu bổ sung từ ngân sách trung ương 907.524 triệu đồng.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Thành phố đã đề ra giải pháp điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả theo đúng dự toán giao; đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định, nhất là các chính sách về an sinh xã hội, thực hiện các chủ trương xây dựng "thành phố 04 an" của thành phố, đảm bảo nguồn vốn cho các công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố.

Tuy nhiên, công tác giải ngân vốn xây dựng cơ bản còn chậm, đến nay đạt tỷ lệ thấp. Đối với chi thường xuyên, vẫn còn cơ quan, đơn vị chưa chủ động trong việc cân đối nguồn kinh phí đã phân bổ để thực hiện các nhiệm vụ được giao, đề nghị bổ sung ngoài dự toán ngân sách, trong khi chưa sắp xếp các nhiệm vụ chi; một số địa phương chưa sử dụng triệt để các nguồn hiện có mà đề nghị bổ sung từ ngân sách thành phố làm ảnh hưởng đến công tác điều hành dự toán NSNN.

³ Khả năng thu từ doanh nghiệp nhà nước TW chỉ đạt 84,4% dự toán giao, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ đạt 93,9% dự toán giao và thu thuế bảo vệ môi trường chỉ đạt 86,9% dự toán giao.

⁴ - Quận Sơn Trà: thu từ chuyển nhượng căn hộ cao cấp và bất động sản của 02 đơn vị có chi nhánh tại Đà Nẵng: Công ty TNHH Vincom Retail miền Nam (105,8 tỷ đồng) và Công ty TNHH BĐS Mặt Trời (17,9 tỷ đồng);

- Quận Ngũ Hành Sơn: thu từ chuyển nhượng căn hộ cao cấp của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô 80 tỷ đồng.

- Quận Thanh Khê: thu xây dựng vãng lai tại Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng 16 tỷ đồng;

- Huyện Hòa Vang: thu xây dựng vãng lai đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi 7,7 tỷ đồng và thu tiền nộp thuế khai bổ sung của Công ty TNHH Hữu Hay 4,3 tỷ đồng.

Trong thời gian còn lại của năm 2017, cần tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư XDCCB; các chủ đầu tư, đơn vị điều hành dự án khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, đôn đốc các đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thi công công trình.

Tiếp tục tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công; chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, đảm bảo nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, giảm tần suất và thắt chặt các khoản chi lễ hội, khánh tiết theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 4494/BTC-HCSN ngày 04/4/2017 về việc thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN năm 2017.

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2017 là 15.805.145 triệu đồng, bằng 114% dự toán HĐND giao. Nếu loại trừ chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương thì chi cân đối ngân sách địa phương là 15.187.891 triệu đồng, bằng 110% dự toán HĐND giao; trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 7.748.893 triệu đồng, trong đó chi XDCCB theo dự toán được giao là 6.222.375 triệu đồng, đạt 95% dự toán HĐND giao, chi thanh toán tạm ứng hạn mức vốn và kế hoạch vốn năm trước chuyển sang 1.526.518 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: Ước thực hiện 7.191.185 triệu đồng, bằng 107% dự toán HĐND giao, tăng chủ yếu do chi từ nguồn năm trước chuyển sang, bổ sung tiền lương tăng thêm, thực hiện các nhiệm vụ mới phát sinh, chi phục vụ Tuần lễ cấp cao APEC 2017 và tổ chức các sự kiện và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm.

3. Chi trả nợ các khoản do chính quyền địa phương vay: 227.813 triệu đồng chi trả lãi, phí phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

III. TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Tổng dư nợ vay đầu năm 2017 là 2.968.500 triệu đồng, bằng 50% mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương theo quy định⁵.

2. Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước để thực hiện dự án Phát triển bền vững số tiền 148.500 triệu đồng.

3. Trong năm, trả nợ gốc các nguồn vốn vay số tiền 1.572.500 triệu đồng⁰⁰⁶⁷. Chi trả nợ lãi, phí các khoản chính quyền địa phương vay số tiền 227.813 triệu đồng.

4. Dư nợ vay đến cuối năm 2017 là 1.544.500 triệu đồng, bằng 26% mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương.

Phần II

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN, THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

⁵ Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP được xác định bằng 40% số thu NSDP được hưởng theo phân cấp theo quy định tại Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ.

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2018

Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và chương trình thành phố “bốn an” của thành phố; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; bám sát định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND thành phố; đồng thời đảm bảo thực hiện tinh thần chỉ đạo tại Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 15/02/2017 của Thành ủy Đà Nẵng và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công; tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN năm 2017 và dự toán thu, chi NSNN Trung ương giao năm 2018.

Tiếp tục thực hiện chủ trương của Chính phủ, tiết kiệm chi ngân sách, ưu tiên chi trả nợ vay đến hạn, chi trả lãi, phí phát sinh từ các khoản vay, bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã ban hành, các nhiệm vụ mới phát sinh, thực hiện các chương trình, mục tiêu và các đề án của thành phố.

II. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Dự toán thu ngân sách địa phương được xây dựng trên cơ sở bám sát các văn bản hướng dẫn của ngành Thuế, Hải quan, sát thực tế phát sinh và tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới theo đúng chính sách hiện hành, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2017, dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu; tổng hợp đầy đủ các khoản thu phí, lệ phí theo danh mục quy định tại Luật Phí và lệ phí.

Dự toán thu năm 2018 dự kiến giao cho UBND các quận, huyện đã loại trừ các khoản thu tăng đột biến năm 2017, tốc độ tăng thu bình quân qua các năm của từng quận, huyện và dự kiến giao tăng thêm số thu đột biến có thể phát sinh trên địa bàn quận Sơn Trà và Ngũ Hành Sơn.

Dự toán tổng thu NSNN trên địa bàn là 25.875.000 triệu đồng, bằng 110,7% so với ước thực hiện năm 2017 và bằng số dự kiến Trung ương giao, cụ thể:

1. Thu nội địa: 22.635.000 triệu đồng, chiếm 87,5% tổng thu NSNN trên địa bàn, bao gồm:

a) Thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết là 19.965.000 triệu đồng, bằng 117,3% so với ước thực hiện năm 2017, trong đó:

- Thu nội địa thành phố: 15.473.500 triệu đồng, chiếm 77,5% tổng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

- Thu nội địa khối quận, huyện: 4.491.500 triệu đồng, chiếm 22,5% tổng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết và bằng 115% ước thực hiện thu năm 2017⁶.

⁶ Nếu trừ các khoản thu đột biến của quận Ngũ Hành Sơn và Sơn Trà năm 2017 (80 tỷ đồng và 123,7 tỷ đồng) thì dự kiến dự toán năm 2018 bằng 121,6% so với ước thực hiện năm 2017.

b) Thu tiền sử dụng đất: 2.500.000 triệu đồng, bằng 78,1% so với ước thực hiện năm 2017.

c) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 170.000 triệu đồng, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2017.

2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Dự kiến 3.240.000 triệu đồng, bằng 108,2% so với ước thực hiện năm 2017.

III. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Trên cơ sở số thu NSNN trên địa bàn và thu từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu nêu trên, dự kiến thu ngân sách địa phương là 17.947.790 triệu đồng, bao gồm:

1. Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp là 15.925.932 triệu đồng, trong đó: thu ngân sách địa phương hưởng 100% là 5.012.000 triệu đồng và thu ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia là 10.913.932 triệu đồng. Theo đó, phân chia các khoản thu được hưởng giữa các cấp ngân sách như sau:

a) Ngân sách thành phố: 12.936.464 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 81,2% thu ngân sách địa phương được hưởng.

b) Ngân sách quận, huyện: 2.989.468 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 18,8% thu ngân sách địa phương được hưởng.

2. Dự kiến ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu số tiền 2.021.858 triệu đồng, bao gồm vốn trong nước 634.777 triệu đồng và vốn ngoài nước 1.387.081 triệu đồng.

IV. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Căn cứ tổng thu ngân sách địa phương được hưởng nêu trên (kể cả thu từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu), tổng chi ngân sách địa phương là 18.680.464 triệu đồng, bao gồm chi ngân sách thành phố 14.371.460 triệu đồng và chi ngân sách quận, huyện 4.309.004 triệu đồng (kể cả nguồn ngân sách thành phố chi bổ sung cho ngân sách quận, huyện 1.319.536 triệu đồng). Dự kiến phương án phân bổ chi ngân sách địa phương như sau:

1. Chi đầu tư phát triển

Ngoài việc xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương bằng dự toán Trung ương giao, cân đối một phần số thu được hưởng theo phân cấp để chi ủy thác vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Đà Nẵng cho vay đối với các đối tượng theo quy định, cấp ủy thác vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân và Quỹ Hỗ trợ phụ nữ phát triển, tặng vốn XDCB để thực hiện chương trình phát triển nhà ở xã hội và chi đầu tư phát triển khác. Đồng thời, phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển khối quận, huyện theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 11/8/2016 của HĐND thành phố.

Dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương là 8.639.481 triệu đồng (kể cả nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu 1.979.233 triệu đồng), bằng 132% dự toán năm 2017, trong đó chi đầu tư XDCB vốn trong nước là 2.923.760 triệu đồng. Nếu loại trừ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu thì chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng 40% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

2. Chi thường xuyên (bao gồm cả số phân bổ từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu)

Việc xây dựng dự toán chi thường xuyên đảm bảo dự toán chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề và chi khoa học và công nghệ bố trí bằng dự toán Trung ương giao, trong đó chi sự nghiệp giáo dục phân bổ tỷ lệ chi khác tối thiểu theo mức lương cơ sở 1.300.000 đồng.

Đảm bảo phân bổ đủ quỹ tiền lương theo lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng. Đối với cơ quan, đơn vị còn nguồn thực hiện điều chỉnh tiền lương thì sử dụng để đảm bảo phần chênh lệch tăng thêm từ lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng lên 1.300.000 đồng/tháng, phần còn lại do ngân sách đảm bảo.

Việc phân bổ chi thường xuyên các lĩnh vực sự nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc NSNN giám cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công đối với các khoản chi đã được kết cấu vào phí, thu khác và giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công. Đối với lĩnh vực y tế, mặc dù một số bệnh viện, nhất là tuyến quận, huyện tiền lương đã được cơ cấu vào giá dịch vụ y tế, tuy nhiên do số thu không đủ để bù đắp toàn bộ chi phí nên trước mắt bố trí dự toán 50% quỹ lương để Sở Y tế chủ động phân bổ cho các bệnh viện này (trừ các bệnh viện đã tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên); cuối năm, căn cứ vào số thu và chi phí để điều chỉnh phân bổ cho các bệnh viện theo đúng quy định.

Để phù hợp với tốc độ tăng thu ngân sách và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chi sự nghiệp đô thị, dự kiến cân đối chi thường xuyên các hoạt động kinh tế cao hơn định mức quy định tại Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND thành phố⁷.

Chi thường xuyên ngân sách địa phương là 7.367.705 triệu đồng (chưa tính trừ tiết kiệm cải cách tiền lương theo quy định của trung ương)⁸, chiếm tỷ trọng 44% tổng chi cân đối ngân sách địa phương và bằng 110% so với dự toán năm 2017.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: 61.613 triệu đồng trả lãi, phí phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 150.000 triệu đồng.

5. Dự phòng ngân sách: 575.000 triệu đồng, tương ứng 3,6% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

⁷ Theo Nghị quyết số 64/2016/NQ-HĐND, mức phân bổ chi các hoạt động kinh tế bằng 10% chi thường xuyên. Dự toán chi các hoạt động kinh tế năm 2018 bằng 23% chi thường xuyên ngân sách thành phố.

⁸ Khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính sẽ tính toán giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị và địa phương.

6. Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương: Dự kiến là 1.863.536 triệu đồng, trong đó tạo nguồn từ 50% tăng thu dự toán năm 2018 so với năm 2017 là 1.543.536 triệu đồng và tạo nguồn 10% tiết kiệm chi thường xuyên là 320.000 triệu đồng.

V. BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN

Ngân sách thành phố bổ sung cho ngân sách quận, huyện số tiền 1.319.536 triệu đồng, bao gồm:

- Bổ sung cân đối 764.921 triệu đồng.
- Bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách, chế độ, chương trình, đề án 554.615 triệu đồng, trong đó đã đảm bảo kinh phí: thực hiện chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội theo mức dự kiến điều chỉnh; hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho các lực lượng dân quân thường trực, bảo vệ dân phố, đội dân phòng và công an viên ở thôn; hỗ trợ chi hoạt động quản lý Quỹ Vì người nghèo cấp quận, huyện, phường, xã.

VI. CHI TỪ NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU

1. Dự toán ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách thành phố Đà Nẵng là 2.021.858 triệu đồng, trong đó:

a) Bổ sung vốn chi đầu tư phát triển: 1.979.233 triệu đồng, bao gồm từ các nguồn: vốn nước ngoài 1.387.081 triệu đồng, vốn trong nước 417.152 triệu đồng và vốn Trái phiếu Chính phủ: 175.000 triệu đồng.

b) Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách và chương trình mục tiêu số tiền 42.625 triệu đồng.

2. Thực hiện phân bổ dự toán chi từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu nêu trên tương ứng theo từng ngành, lĩnh vực chi số tiền 1.998.729 triệu đồng. Số kinh phí còn lại 23.129 triệu đồng chi thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông bố trí quản lý tập trung tại ngân sách thành phố do chưa xác định được cụ thể đơn vị sử dụng và sẽ phân bổ khi có phê duyệt của UBND thành phố.

VII. BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ

Dự kiến vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước để thực hiện các dự án đầu tư số tiền 781.200 triệu đồng. Trong năm, trả nợ gốc các nguồn vốn vay số tiền 48.526 triệu đồng, gồm trả nợ gốc vốn vay Ngân hàng Phát triển 37.500 triệu đồng và trả nợ gốc vay thực hiện dự án Phát triển bền vững 11.026 triệu đồng từ nguồn bội thu ngân sách địa phương năm 2018. Chi trả lãi, phí phát hành trái phiếu chính quyền địa phương số tiền 61.613 triệu đồng.

VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NGOÀI NGÂN SÁCH

Về cơ bản các quỹ hoạt động theo đúng quy chế, điều lệ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, một số quỹ vẫn hoạt động chưa hiệu quả, số vốn điều lệ ngân sách cấp nhưng chưa thực hiện giải ngân hoặc tỷ lệ giải ngân thấp. Trong thời gian đến,

thành phố sẽ tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hoạt động các quỹ theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và hướng dẫn của trung ương.

IX. MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH

1. Tiếp tục tăng cường kỷ luật tài chính-ngân sách; tạo chuyển biến rõ nét trong xử lý nợ đọng tiền sử dụng đất, chống thất thu, trốn thuế, nợ đọng thuế, gian lận chuyển giá, vi phạm pháp luật thuế, phí, lệ phí, thực hiện hóa đơn điện tử; thắt chặt chẽ các dự án, nâng cao hiệu quả đầu tư; triệt để tiết kiệm chi ngân sách Nhà nước và sử dụng tài sản công, xe công. Tiếp tục thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngân sách Nhà nước theo hướng tăng dần tỷ trọng thu nội địa, tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên gắn với chủ trương tinh giản biên chế, tổ chức bộ máy tinh gọn, bảo đảm chi an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và quốc phòng, an ninh. Ưu tiên dành nguồn để bố trí trả nợ vay chính quyền địa phương khi đến hạn.

2. Đẩy nhanh việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tài chính; tổ chức, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp gắn với lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công. Đẩy mạnh việc chuyển phương thức hỗ trợ trực tiếp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế đặt hàng. Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ toàn bộ sang công ty cổ phần theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện công khai, minh bạch ngân sách theo đúng quy định của pháp luật.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	So sánh DT 2018/ UTH 2017	So sánh DT 2018/ DT 2017
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	13.316.278	24.065.212	17.947.790		
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	12.468.796	14.836.491	15.925.932	107%	128%
1	Thu NSDP hưởng 100%	3.776.900	5.931.850	5.012.000		
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	8.691.896	8.904.641	10.913.932		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	847.482	907.524	2.021.858		
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	0	0	0		
2	Thu bổ sung có mục tiêu	847.482	907.524	2.021.858		
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		1.272.173			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	7.049.024			
B	TỔNG CHI NSDP	13.861.464	15.805.145	18.680.464	118%	135%
I	Tổng chi cân đối NSDP	13.861.464	15.805.145	18.657.335	118%	135%
1	Chi đầu tư phát triển	6.549.868	7.748.893	8.639.481	111%	132%
2	Chi thường xuyên	6.719.472	7.191.185	7.367.705	102%	110%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do CQDP vay	252.643	227.813	61.613	27%	24%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	20.000	20.000	150.000	750%	750%
5	Dự phòng ngân sách	319.481	0	575.000		180%
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	0	617.254	1.863.536	302%	
II	Chi các chương trình mục tiêu	0	0	23.129		
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	0	23.129		
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	753.520	1.074.000	-732.674		
1	Bội thu tiền sử dụng đất	600.000	600.000			
2	Bội thu từ nguồn thuế, phí	622.500	622.500	48.526		
3	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	-468.980	-148.500	-781.200		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	1.572.500	1.572.500	48.526		
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	1.572.500	1.572.500	48.526		
Đ	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	0	0	0		
1	Vay để bù đắp bội chi					
2	Vay để trả nợ gốc					

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH QUẬN; HUYỆN NĂM 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2017	Ước thực hiện năm 2017	Dự toán năm 2018	So sánh DT 2018/ UTH 2017	So sánh DT 2018/ DT 2017
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
A	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ					
I	Nguồn thu ngân sách	11.287.187	21.456.554	14.958.322		
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	10.439.705	12.227.833	12.936.464	106%	124%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	847.482	907.524	2.021.858		
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	0	0	0		
-	Thu bổ sung có mục tiêu	847.482	907.524	2.021.858		
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
4	Thu kết dư	0	1.272.173	0		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	7.049.024	0		
II	Chi ngân sách	11.832.373	13.071.896	15.690.996	120%	133%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách thành phố	10.601.108	11.760.145	14.371.460	122%	136%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	1.231.265	1.311.751	1.319.536	101%	107%
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	764.921	764.921	764.921	100%	100%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	466.344	546.830	554.615	101%	119%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
III	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP	753.520	8.384.658	-732.674		
B	NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách	3.260.356	5.121.367	4.309.004	84%	132%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2.029.091	2.608.658	2.989.468	115%	147%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.231.265	1.311.751	1.319.536	101%	107%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	764.921	764.921	764.921	100%	100%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	466.344	546.830	554.615	101%	119%
3	Thu kết dư	0	514.828	0		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	686.130	0		
II	Chi ngân sách	3.260.356	4.045.000	4.309.004	107%	132%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách quận huyện	3.260.356	4.045.000	4.309.004	107%	132%
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện 2017		Dự toán năm 2018		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG (A-E)	23.379.350	24.065.212	25.875.000	17.947.790		
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I-III)	23.379.350	14.836.491	25.875.000	15.925.932	110,7	107,3
I	THU NỘI ĐỊA	20.384.350	14.836.491	22.635.000	15.925.932	111,0	107,3
	<i>Trong đó: thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, XSKT</i>	<i>17.014.350</i>	<i>11.466.491</i>	<i>19.965.000</i>	<i>13.255.932</i>	<i>117,3</i>	<i>115,6</i>
1	Thu DNNN trung ương	1.350.000	920.560	1.545.000	1.053.320	114,4	114,4
	- Thuế TNDN	390.000	265.200	460.000	312.800	117,9	117,9
	- Thuế Tài nguyên	8.000	8.000	8.500	8.500	106,3	106,3
	- Thuế GTGT	882.000	599.760	999.500	679.660	113,3	113,3
	- Thuế TTĐB	70.000	47.600	77.000	52.360	110,0	110,0
2	Thu DNNN địa phương	240.000	165.920	260.000	179.680	108,3	108,3
	- Thuế TNDN	80.000	54.400	85.000	57.800	106,3	106,3
	- Thuế Tài nguyên	8.500	8.500	9.000	9.000	105,9	105,9
	- Thuế GTGT	151.200	102.816	165.600	112.608	109,5	109,5
	- Thuế TTĐB	300	204	400	272	133,3	133,3
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	4.804.000	3.298.880	6.035.000	4.142.392	125,6	125,6
	- Thuế TNDN	580.000	394.400	730.000	496.400	125,9	125,9
	- Thuế Tài nguyên	500	500	600	600	120,0	120,0
	- Thuế GTGT	804.500	547.060	1.234.400	839.392	153,4	153,4
	- Thuế TTĐB	3.319.000	2.256.920	3.950.000	2.686.000	119,0	119,0
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước	100.000	100.000	120.000	120.000	120,0	120,0
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.950.000	3.384.144	6.150.000	4.201.200	124,2	124,1
	- Thuế TNDN	1.528.000	1.039.040	2.000.000	1.360.000	130,9	130,9
	- Thuế Tài nguyên	56.700	56.700	60.000	60.000	105,8	105,8
	- Thuế GTGT	3.325.300	2.261.204	4.043.000	2.749.240	121,6	121,6
	- Thuế TTĐB	40.000	27.200	47.000	31.960	117,5	117,5
5	Lệ phí trước bạ	800.000	800.000	960.000	960.000	120,0	120,0
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0	0	0		
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	49.800	49.800	49.000	49.000	98,4	98,4
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.430.000	972.400	1.700.000	1.156.000	118,9	118,9
9	Thuế bảo vệ môi trường	1.330.000	336.437	1.500.000	379.440	112,8	112,8
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu	835.240	0	942.000	0	112,8	0,0
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	494.760	336.437	558.000	379.440	112,8	112,8
10	Phí, lệ phí	530.000	170.000	640.000	185.000	120,8	108,8
	- Cơ quan nhà nước trung ương thu	360.000	0	455.000	0	126,4	0,0
	- Cơ quan nhà nước địa phương thu	170.000	170.000	185.000	185.000	108,8	108,8
11	Tiền sử dụng đất	3.200.000	3.200.000	2.500.000	2.500.000	78,1	78,1
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc TW quản lý		0	0	0		
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc ĐP quản lý	3.200.000	3.200.000	2.500.000	2.500.000	78,1	78,1
12	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	800.000	800.000	500.000	500.000	62,5	62,5
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc SHNN	50.000	50.000	25.000	25.000	50,0	50,0
14	Thu khác ngân sách	600.000	437.800	550.000	373.900	91,7	85,4
	- Thu khác ngân sách trung ương	162.200	0	176.100	0	108,6	0,0
	- Thu khác ngân sách địa phương	437.800	437.800	373.900	373.900	85,4	85,4
15	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	10.000	10.000	12.000	12.000	120,0	120,0
	- Giấy phép do TW cấp		0	0	0		
	- Giấy phép cho địa phương cấp	10.000	10.000	12.000	12.000	120,0	120,0
16	Thu cố định tại xã	4.550	4.550	4.000	4.000	87,9	87,9
17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế	66.000	66.000	35.000	35.000	53,0	53,0
	- Thu từ DN do TW quản lý		0	0	0		
	- Thu từ DN do ĐP quản lý	66.000	66.000	35.000	35.000	53,0	53,0
18	Thu từ hoạt động XSKT	170.000	170.000	170.000	170.000	100,0	100,0
II	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	2.995.000	0	3.240.000	0	108,2	
1	Thuế xuất khẩu	110.450		110.000		99,6	
2	Thuế nhập khẩu	727.886		792.000		108,8	
3	Thuế TTĐB hàng nhập khẩu	118.024		150.000		127,1	
4	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.032.015		2.185.000		107,5	

STT	Nội dung	Ước thực hiện 2017		Dự toán năm 2018		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
5	Thuế BVMT hàng nhập khẩu	1.815		3.000		165,3	
6	Thu khác	4.810		0			
III	THU VIỆN TRỢ						
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH						
C	THU CHUYỂN NGUỒN		7.049.024				
D	THU KẾT DƯ		1.272.173				
E	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG		907.524		2.021.858		
1	Bổ sung cân đối						
2	Bổ sung có mục tiêu		907.524		2.021.858		
	Trong đó: - Từ nguồn trong nước		430.762		634.777		
	- Từ nguồn ngoài nước		476.762		1.387.081		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
VÀ CHI NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán ngân sách địa phương năm 2018	Chia ra	
			Ngân sách thành phố	Ngân sách quận, huyện
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	18.680.464	14.371.460	4.309.004
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	18.657.335	14.348.331	4.309.004
I	Chi đầu tư phát triển	8.639.481	8.278.921	360.560
1	Chi đầu tư cho các dự án	8.309.481	7.948.921	360.560
-	Chi XDCB vốn trong nước	2.923.760	2.575.200	348.560
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.455.288	2.443.288	12.000
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	170.000	170.000	
-	Chi từ nguồn bội chi NSDP (vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước)	781.200	781.200	
-	Chi từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	1.979.233	1.979.233	
2	Chi ủy thác vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội và các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	280.000	280.000	
3	Chi đầu tư phát triển khác	50.000	50.000	
II	Chi thường xuyên	7.367.705	3.960.902	3.406.803
	Trong đó			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.953.505	618.371	1.335.134
2	Chi khoa học và công nghệ	46.851	44.651	2.200
III	Chi trả nợ lãi các khoản do CQĐP vay	61.613	61.613	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	150.000	150.000	
V	Dự phòng ngân sách	575.000	499.972	75.028
VI	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	1.863.536	1.396.923	466.613
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU (TỪ NGUỒN TWBS CÓ MỤC TIÊU)	23.129	23.129	0
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	23.129	23.129	0
1	Chi đầu tư phát triển	0	0	0
2	Chi thường xuyên	23.129	23.129	0
a	Hỗ trợ các Hội VHNT và Hội Nhà báo	0		
b	Chi thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT	23.129	23.129	
c	Chi thực hiện một số CTMT	0	0	0
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	C
	TỔNG CHI	15.667.867
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	1.319.536
I	Chi bổ sung cân đối	764.921
II	Chi bổ sung có mục tiêu	554.615
B	CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC	14.348.331
I	Chi đầu tư phát triển	8.278.921
1	Chi đầu tư cho các dự án	7.948.921
2	Chi ủy thác vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội và các Quỹ tài chính ngoài ngân sách	280.000
3	Chi đầu tư phát triển khác	50.000
II	Chi thường xuyên	3.960.902
	Trong đó	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	618.371
2	Chi khoa học và công nghệ	44.651
3	Chi y tế, dân số và gia đình	401.580
4	Chi văn hóa thông tin	96.744
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	29.183
6	Chi thể dục thể thao	143.350
7	Chi bảo vệ môi trường	252.230
8	Chi các hoạt động kinh tế	927.702
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	579.426
10	Chi bảo đảm xã hội	137.082
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	61.613
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	150.000
V	Dự phòng ngân sách	499.972
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.396.923
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
A	B	1=2+...+9	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	15.667.867	8.290.921	5.268.438	61.613	150.000	499.972	1.396.923	0	0
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	12.239.823	8.278.921	3.960.902						
I	Dự toán bố trí cho các cơ quan, đơn vị			3.145.044						
	Trong đó:									
a	Các Sở, ban, ngành			2.853.953						
	- Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố			13.989						
	- Văn phòng UBND thành phố			81.244						
	- Sở Ngoại vụ			26.041						
	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			91.387						
	- Sở Kế hoạch và Đầu tư			18.513						
	- Sở Tư pháp			11.530						
	- Sở Công thương			49.644						
	- Sở Khoa học và Công nghệ			48.241						
	- Sở Tài chính			15.767						
	- Sở Xây dựng			323.405						
	- Sở Giao thông Vận tải			307.144						
	- Sở Giáo dục và Đào tạo			438.255						
	- Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn			32.782						
	- Sở Y tế			376.258						
	- Ban bảo vệ Chăm sóc sức khỏe cán bộ			8.554						
	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội			157.782						
	- Sở Văn hóa và Thể thao			246.371						
	- Sở Du lịch			66.310						
	- Trường Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật			9.691						
	- Sở Tài nguyên và Môi trường			320.588						
	- Sở Thông tin và Truyền thông			30.574						
	- Sở Nội vụ			67.308						
	- Thanh tra thành phố			8.858						
	- Đài Phát thanh truyền hình			29.483						
	- BQL các khu công nghiệp và chế xuất			7.144						
	- Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội			10.367						
	- Trường cao đẳng nghề			20.407						
	- Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư			6.486						
	- BQL Khu công nghệ cao			29.830						
b	Các tổ chức chính trị - xã hội			39.324						
	- Ủy ban mặt trận tổ quốc VN thành phố			8.503						
	- Thành Đoàn Đà Nẵng			12.414						
	- Hội Liên hiệp phụ nữ			8.123						
	- Hội Nông dân			5.910						
	- Hội Cựu chiến binh			4.374						
c	Các tổ chức XH, XH nghề nghiệp và tổ chức khác			29.959						
	- Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật			5.464						
	- Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật			4.347						
	- Hội Nhà báo			1.486						
	- Liên minh Hợp tác xã			2.365						
	- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị			3.322						
	- Hội Luật gia			472						
	- Hội Chữ thập đỏ			2.340						
	- Ban đại diện Hội Người cao tuổi			1.200						
	- Hội Người mù			1.227						
	- Hội Đông y			799						
	- Hội Nạn nhân chất độc màu da cam			1.271						
	- Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi			170						
	- Hội Khuyến học			1.156						
	- Hội Từ thiện và bảo vệ quyền trẻ em			877						
	- Hội Từ yêu nước			453						
	- CLB Cán bộ trẻ			300						

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO LĨNH VỰC NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó:											
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản		
A	B	I=2+...+11	2	3	4	5	6	7	8	9	9a	9b	10	11
	TỔNG SỐ	3.960.902	618.371	44.651	401.580	96.744	29.183	143.350	252.230	927.702	278.967	49.533	579.426	137.082
A	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ	3.145.044	550.586	44.651	371.580	96.744	29.183	143.350	252.230	841.702	278.967	49.533	576.426	137.082
	Trong đó:													
1	Các Sở, ban, ngành	2.853.953	534.215	41.751	371.580	95.974	29.183	143.350	251.220	841.702	278.967	49.533	407.896	137.082
-	Văn phòng Hội đồng nhân dân thành phố	13.989	0	0	0	0	0	0	0	0			13.989	0
-	Văn phòng UBND thành phố	81.244	150	0	0	0	0	0	0	3.399			77.695	0
-	Sở Ngoại vụ	26.041	450	0	0	0	0	0	0	3.713			21.878	0
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	91.387	0	0	0	0	0	0	2.200	49.533		49.533	39.654	0
-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	18.513	320	0	0	0	0	0	0	4.006			14.187	0
-	Sở Tư pháp	11.530	104	0	0	0	0	0	0	3.420			8.006	0
-	Sở Công thương	49.644	0	0	0	0	0	0	950	6.643			42.051	0
-	Sở Khoa học và Công nghệ	48.241	0	41.351	0	0	0	0	270	0			6.620	0
-	Sở Tài chính	15.767	47	0	0	0	0	0	0	0			15.720	0
-	Sở Xây dựng	323.405	100	0	0	0	0	0	0	305.814			17.491	0
-	Sở Giao thông Vận tải	307.144	0	0	0	0	0	0	0	288.017	278.967		19.127	0
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	438.255	430.216	0	0	0	0	0	100	0			7.939	0
-	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	32.782	32.782	0	0	0	0	0	0	0			0	0
-	Sở Y tế	376.258	1.374	0	363.026	0	0	0	0	0			11.858	0
-	Ban bảo vệ Chăm sóc sức khỏe cán bộ	8.554	0	0	8.554	0	0	0	0	0			0	0
-	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	157.782	7.731	0	0	0	0	0	0	0			12.969	137.082
-	Sở Văn hóa và Thể thao	246.371	160	0	0	94.974	0	143.350	0	0			7.887	0
-	Sở Du lịch	66.310	0	0	0	0	0	0	5.500	54.833			5.977	0
-	Trường Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật	9.691	8.691	0	0	1.000	0	0	0	0			0	0
-	Sở Tài nguyên và Môi trường	320.588	81	0	0	0	0	0	240.630	67.010			12.867	0
-	Sở Thông tin và Truyền thông	30.574	130	0	0	0	0	0	500	15.547			14.397	0
-	Sở Nội vụ	67.308	30.433	0	0	0	0	0	120	3.883			32.872	0
-	Thanh tra thành phố	8.858	135	0	0	0	0	0	0	0			8.723	0
-	Đài Phát thanh truyền hình	29.483	0	0	0	0	29.183	0	300	0			0	0
-	BQL các khu công nghiệp và chế xuất	7.144	904	0	0	0	0	0	650	0			5.590	0
-	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội	10.367	0	400	0	0	0	0	0	9.967			0	0
-	Trường cao đẳng nghề	20.407	20.407	0	0	0	0	0	0	0			0	0
-	Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư	6.486	0	0	0	0	0	0	0	6.486			0	0
-	BQL Khu công nghệ cao	29.830	0	0	0	0	0	0	0	19.431			10.399	0
2	Các tổ chức chính trị - xã hội	39.324	4.268	400	0	0	0	0	960	0	0	0	33.696	0
-	Ủy ban mật trận tổ quốc VN thành phố	8.503	258	0	0	0	0	0	100	0			8.145	0
-	Thành Đoàn Đà Nẵng	12.414	3.477	400	0	0	0	0	200	0			8.337	0
-	Hội Liên hiệp phụ nữ	8.123	323	0	0	0	0	0	200	0			7.600	0

**DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI
NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN NĂM 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách quận, huyện được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách quận, huyện
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách quận, huyện hưởng 100%	Thu ngân sách quận, huyện hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	I	2=3+4	3	4	5	6	7	8=2+5+6+7
	TỔNG SỐ	4.491.500	2.989.468	1.154.700	1.834.768	764.921	0	0	3.754.389
1	Quận Hải Châu	1.444.400	752.000	343.600	408.400	0			752.000
2	Quận Thanh Khê	673.300	490.366	167.400	322.966	70.565			560.931
3	Quận Sơn Trà	621.400	462.332	163.200	299.132	62.684			525.016
4	Quận Ngũ Hành Sơn	515.700	398.250	163.650	234.600	82.431			480.681
5	Quận Liên Chiểu	423.500	309.280	111.400	197.880	106.650			415.930
6	Quận Cẩm Lệ	563.600	408.480	127.300	281.180	22.227			430.707
7	Huyện Hòa Vang	249.600	168.760	78.150	90.610	417.334			586.094
8	Huyện Hoàng Sa	0	0	0	0	3.030			3.030

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
CHO NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN NĂM 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	554.615	12.000	542.615	0
1	Quận Hải Châu	87.688	0	87.688	
2	Quận Thanh Khê	90.512	0	90.512	
3	Quận Sơn Trà	75.127	0	75.127	
4	Quận Ngũ Hành Sơn	47.307	0	47.307	
5	Quận Liên Chiểu	71.461	0	71.461	
6	Quận Cẩm Lệ	57.392	0	57.392	
7	Huyện Hòa Vang	124.768	12.000	112.768	
8	Huyện Hoàng Sa	360		360	

